| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 3 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Ngô Giang Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Ngọc Trường

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Hòa Đức, xã T , huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn B , sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Đông Tâm B, xã T , huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2020 trong qúa trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày*:

Về hôn nhân: Bà với ông B chung sống vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T , huyện Đ . Quá trình chung sống đến năm 2006 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống cùng ông B nên yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Tên Huỳnh Chí B , sinh năm 2001, cháu đã trưởng thành và không bị hạn chế về khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Huỳnh Thị Ngọc B , sinh ngày 17/12/2006, hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Bích, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ: Bà L xác định không có.

- *Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn B* : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông B theo quy định pháp luật, nhưng ông B không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L .

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Ông Huỳnh Văn B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông B vắng mặt không có lý do. Vào ngày 11/3/2020 bà Liên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B .

[2] *Về hôn nhân*: Bà Liên với ông B chung sống vào năm 2000, đến ngày 04/01/2001 đăng ký theo giấy chứng nhận kết hôn số 21/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đức, huyện Đ, tỉnh C, hôn nhân hợp pháp. Bà L yêu cầu ly hôn với ông B do các nguyên nhân sau: Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm trong sống, nên thường xuyên xảy ra cãi vả. Nay, bà L yêu cầu được ly hôn với ông B . Đối với ông B , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông B để tham gia hòa giải nhưng ông B vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Liên. Ngoài ra, vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 2006 đến nay và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, nên đã vi phạm nghiêm trong quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình…"*. Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà Liên và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông B .

[3] *Về con chung:* Tên Huỳnh Thị Ngọc B , sinh ngày 17/12/2006, hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu B , cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Viện dẫn từ điều luật trên, theo biên bản ghi ý kiến của cháu B vào ngày 21/02/2020, cháu B có nguyện vọng ở với bà Liên. Do đó, cần giao cháu B cho bà Liên nuôi dưỡng. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con bà L chưa yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Bà L xác định không có.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà L  phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L .

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L ly hôn với ông Huỳnh Văn B .

2. Về nuôi con chung: Giao Huỳnh Thị Ngọc B , sinh ngày 17/12/2006 cho bà L  tiếp trực trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ông Nguyễn Văn B  có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con bà L  chưa yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010252 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà L  đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà L , ông B  có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Ngô Giang Nam**